TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI** Bản án số: 16/2020/DS-ST Ngày 27/4/2020 "*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mý

2. Ông Nguyễn Như Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 132/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N; địa chỉ: Số 02, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Văn bản ủy quyền số 308/NHNoIGĐGL-GUQ ngày 31/10/2019 của Ngân hàng N Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai)*: Bà Lê Nguyễn Thanh Uyên; địa chỉ: Số M, đường H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P; địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai – Phòng giao dịch Ia Sao (Ngân hàng) cho vợ chồng ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 4770618/HĐTD ngày 05/6/2018, số tiền vay là 500.000.000.000 đồng, mục đích vay là chăm sóc 1,8 ha cà phê và sửa chữa nhà ở, thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày 05/6/2018, phân kỳ trả nợ gốc thành 02 kỳ (kỳ 1 trả 20.000.000 đồng vào ngày 05/6/2019, kỳ 2 trả 480.000.000 đồng vào ngày 05/6/2020), phân kỳ trả nợ lãi

3 tháng/lần. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P chỉ mới trả cho Ngân hàng được số tiền lãi đến ngày 05/9/2018 là 14.013.669 đồng, sau đó thì không tiếp tục trả tiền gốc và tiền lãi như đã cam kết trong hợp đồng. Đến ngày 06/6/2019 Ngân hàng đã chuyển toàn số tiền nợ là 20.000.000 đồng sang nợ quá hạn. Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng trên giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1842017/HĐTC ngày 25/5/2017, Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐTC ngày 05/6/2018. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 169 xã Ia Y, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 810443 do UBND huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 06/12/2011, người sử dụng đất ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P và Hợp đồng thế chấp tài sản số 972016/HĐTC ngày 01/02/2016, Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐTC ngày 05/6/2018. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 69 xã N, huyện P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 564750 do UBND huyện P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 10/6/2011, người sử dụng đất ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P.

Do ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P phải trả số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 27/4/2020 là 91.092.055 đồng, gồm nợ lãi trong hạn là 88.144.658 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.947.397 đồng. Tổng cộng là 591.092.055 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P thực trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P không trả đủ số nợ trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với các tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

2. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng ông T và bà P cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của ông T và bà P.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: 01 hợp đồng tín dụng (bản sao y bản chính); 01 đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (bản sao y bản chính); 02 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (bản sao y bản chính); 02 phụ lục hợp đồng thế chấp (bản sao y bản chính); 02 chứng minh nhân dân (bản phô tô); 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản phô tô); 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản sao y bản chính); 01 quyết định số 600/QĐ-HĐTV ngày 23/4/2012 (bản sao y bản chính); 01 quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 (bản sao y bản chính); 01 quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ số 287/QĐ-NHNN-TCTL ngày 22/02/2019 (bản sao y bản chính); 01 quyết định về ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của ngân hàng N ngày 23/4/2012 (bản sao y bản chính); 01 giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (bản

phô tô); 01 giấy ủy quyền (bản gốc); 03 bảng kê tính lãi (bản gốc); 01 biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện G; 01 biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện P; 01 biên bản xác minh ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện G; 02 biên bản xác minh ngày 05/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện P.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về tín dụng và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Khi thụ lý, Tòa án xác định là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", nay Hội đồng xét xử xác định lại cho phù hợp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng số 4770618/HĐTD ngày 05/6/2018 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng đã được giao kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ Luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc bị đơn là ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 27/4/2020 là 91.092.055 đồng, gồm nợ lãi trong hạn là 88.144.658 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.947.397 đồng. Tổng cộng là 591.092.055 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P thực trả hết nợ cho Ngân hàng.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1842017/HĐTC ngày 25/5/2017, Phụ lục hợp đồng thế

chấp số 01/PLHĐTC ngày 05/6/2018. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 169 xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 810443 do UBND huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 06/12/2011, người sử dụng đất ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P và Hợp đồng thế chấp tài sản số 972016/HĐTC ngày 01/02/2016, Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐTC ngày 05/6/2018. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 69 xã N, huyện P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 564750 do UBND huyện P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 10/6/2011, người sử dụng đất ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P. Cả hai Hợp đồng nói trên đều có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực và các bên buộc phải thực hiện. Qua kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ và xác minh ngày 05/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện P thấy rằng, toàn bộ hai quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nói trên đều không có tranh chấp. Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng tín dụng và hai hợp đồng thế chấp nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P phải trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 6.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 299, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Buộc ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ tính đến ngày 27/4/2020 là 591.092.055 đồng (Năm trăm chín mươi mốt triệu không trăm chín mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng(Năm trăm triệu đồng), nợ lãi là 91.092.055 đồng (Chín mươi mốt triệu không trăm chín mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng), gồm nợ lãi trong

hạn là 88.144.658 đồng (Tám mươi tám triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn là 2.947.397 đồng (Hai triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P trả hết nợ.

3. Trong trường hợp ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 169 xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 810443 do UBND huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 06/12/2011, người sử dụng đất ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1842017/HĐTC ngày 25/5/2017, Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐTC ngày 05/6/2018 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 69 xã N, huyện P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 564750 do UBND huyện P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 10/6/2011, người sử dụng đất ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 972016/HĐTC ngày 01/02/2016, Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐTC ngày 05/6/2018 được ký kết giữa Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai – Phòng giao dịch S với ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa T toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi T toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục T toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Buộc ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P phải trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

6. Về án phí: Buộc bà ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 27.643.682 đồng (Hai mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng). Ngân hàng N không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.917.370 đồng (Mười hai triệu chín trăm mười bảy nghìn ba trăm bảy mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0005789 ngày 08/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại

phiên toà thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính